

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 17 - 5 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.
2. Ông Phạm Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thùy Tr.

Địa chỉ: Ấp 10, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phan Minh Đ và bà Lê Thị H.

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy Tr trình bày:

Ngày 01/11/2021, bà Tr có ký hợp đồng liên kết và tiêu thụ lúa dài thơm 8 với anh Phan Minh Đ và bà Lê Thị H. Theo thỏa thuận thì bà Tr sẽ bán lúa giống cho anh Phan Minh Đ và bà Lê Thị H là 480 ký, giống lúa Dài thơm 8 với giá 16.000 đồng/ký, tương đương 7.680.000 đồng và 40 ký lúa RVT với giá 20.000 đồng/ký, tương đương 800.000 đồng. Sau khi nhận lúa thì anh Phan Minh Đ và bà Lê Thị H sẽ sạ giống mà bà Tr cung cấp. Đến khi nào thu hoạch thì sẽ bán lại cho bà Tr, lúc này sẽ trừ lại tiền lúa giống mà anh Đ và bà H đã mua của bà Tr. Tuy nhiên, sau khi anh Phan Minh Đ và bà Lê Thị H thu hoạch lúa nhưng lại không bán cho bà Tr mà bán cho người khác và cũng không trả tiền lúa giống cho bà Tr.

Bà Tr có yêu cầu anh Phan Minh Đ và bà Lê Thị H trả tiền lúa giống cho bà Tr nhưng anh Đ và bà H không trả. Việc anh Đ và bà H đã mua lúa giống của bà Tr nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Tr là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Tr.

Nay bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đ và bà H trả cho bà Tr số tiền lúa giống còn nợ là 7.680.000 đồng + 800.000 đồng = 8.480.000 đồng. Bà Tr không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Minh Đ trình bày: Anh Đ cũng thống nhất việc anh Đ và mẹ là bà H có mua lúa giống của bà Tr như lời trình bày của bà Tr. Nhưng sau khi mua lúa giống của bà Tr thì anh Đ và bà H không có làm ruộng nên đã giao lúa giống lại cho anh Hùng Vương (không rõ địa chỉ). Khi giao lúa giống cho anh Vương thì anh Đ không có thông báo cho bà Tr biết. Do hiện tại anh Đ đang gặp khó khăn về kinh tế và lúa giống đã giao cho anh Vương nên nay không đồng ý trả tiền lúa giống cho bà Tr. Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa, nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của bà H. Tại phiên tòa bà H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền mua bán lúa chưa thanh toán. Căn cứ theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Bị đơn anh Phan Minh Đ và bà Lê Thị H có nơi cư trú tại ấp 3, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên căn cứ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Bị đơn anh Phan Minh Đ và bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thùy Tr, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; theo lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định: Năm 2021, bà Huỳnh Thị Thùy Tr với anh Phan Minh Đ và bà Lê Thị H có thực hiện giao dịch mua bán lúa giống với nhau. Trong khi thực hiện việc mua bán hai bên có làm hợp đồng bằng văn bản. Khi bà Tr bán lúa giống cho anh Đ và bà H, các bên có thỏa thuận khi nào thu hoạch sẽ thanh toán tiền lúa giống. Nhưng sau khi thu hoạch lúa thì anh Đ và bà H không trả tiền cho bà Tr. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà Tr đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng ngày 01/11/2021 có chữ ký của anh Đ và bà H.

[3.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Phan Minh Đ và bà Lê Thị H nhiều lần để tiến hành công khai chứng cứ, hoà giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh Đ và bà H đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ thừa nhận có mua lúa giống và còn nợ lại bà Tr số tiền lời trình bày của bà Tr. Anh Đ cũng thừa nhận anh và bà H có ký tên vào hợp đồng mà bà Tr cung cấp. Bị đơn bà Lê Thị H vắng mặt, không có ý kiến phản đối những tài liệu chứng cứ mà bà Tr đã cung cấp cũng như yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương*

sự đó không phải chứng minh”. Do đó, việc anh Đ và bà H có mua lúa giống và còn nợ bà Tr là sự thật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Tr là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Xét lời nại của bị đơn anh Phan Minh Đ cho rằng sau khi nhận lúa giống của bà Tr thì anh Đ và bà H có giao lại cho anh Vương (không rõ địa chỉ) nên anh Đ không đồng ý trả tiền cho bà Tr. Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh Đ và bà Tr sau khi nhận lúa giống thì giao lại cho anh Vương nhưng không thông báo cho bà Tr biết và bà Tr cũng không đồng ý. Do đó, việc anh Đ và bà H trực tiếp ký hợp đồng mua bán lúa với bà Tr và đã nhận đủ lúa từ bà Tr nên có nghĩa vụ trả tiền cho bà Tr. Việc anh Đ và bà H giao lúa lại cho anh Vương thì có quyền yêu cầu anh Vương trả lại tiền. Trường hợp anh Vương không trả tiền thì anh Đ và bà H có quyền khởi kiện anh Vương theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 233; Điều 247; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 357; Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Thùy Tr đối với bị đơn Phan Minh Đ và bị đơn Lê Thị H.

2. Buộc bị đơn Phan Minh Đ và bị đơn Lê Thị H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Thùy Tr số tiền còn nợ là 8.480.000 đồng (tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bị đơn Phan Minh Đ và bị đơn Lê Thị H phải chịu là 424.000 đồng (bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

4.2. Nguyên đơn Huỳnh Thị Thùy Tr được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006605 ngày 18 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/5/2023). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Thới Phần